TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2023/DS-PT
Ngày: 30-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Trần Thị Điểu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 375/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Phan Thị Kim H, sinh năm 1975. *(Vắng mặt)*

1.2. Đặng Kim P, sinh năm 1971. *(Vắng mặt)*

1.3. Phạm Thị Út E, sinh năm 1972. *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trần Thị P1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Tuyết mai, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A, đường L, Tổ C, Khóm C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2023) *(Có mặt)*

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

5. Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Anh M là đại diện ủy quyền của bà Đặng Kim P trình bày:* Nguyên vào ngày 26/5/2020, bà P cho bà Trần Thị Phi m với số tiền là 30.000.000 đồng (có biên nhận viết tay trên giấy tập học sinh). Bà Phi mượn với lý do anh bà P1 đang chữa trị bệnh tim. Khi mượn hay bên không thỏa thuận lãi suất. Thời hạn trả là khi nào bà P cần tiền thì thông báo cho bà P1 biết trước 01 tháng sẽ trả. Từ khi mượn cho đến nay bà P1 và ông H1 đã trả được 17.000.000 đồng.

Số tiền còn lại 13.000.000 đồng, nhiều lần liên hệ yêu cầu bà P1 và ông H1 trả lại cho bà P nhưng bà P1 và ông H1 cứ hẹn lần, hẹn lượt mà không trả.

Nay bà P yêu cầu bà Trần Thị P1 và ông Nguyễn Văn H1 phải liên đới trả lại số tiền đã mượn là 13.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Anh M là đại diện ủy quyền của bà Phan Thị Kim H (Nương) trình bày:* Nguyên vào ngày 24/7/2019, bà Kim H cho ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị P1 vay số tiền là 270.000.000 đồng (có biên nhận viết tay trên giấy tập học sinh). Lãi suất thỏa thuận 03% / tháng. Mục đích vay tiền để làm ăn. Thời hạn trả là khi nào bà Kim H cần tiền thì thông báo cho ông H1, bà P1 biết trước 01 tháng sẽ trả. Từ khi mượn cho đến nay bà P1 và ông H1 không trả vốn và cũng không trả tiền lãi.

Nay bà Kim H yêu cầu bà Trần Thị P1 và ông Nguyễn Văn H1 phải liên đới trả lại số tiền đã vay là 270.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1,66% /

tháng tính từ tháng 7/2019 – 4/2021 là 21 tháng với số tiền 94.122.000 đồng và yêu cầu tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- *Anh M là đại diện ủy quyền của bà Phạm Thị Út E (chị B) trình bày:* Nguyên vào ngày 24/01/2020, bà Út E cho ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị P1 vay số tiền là 230.000.000 đồng (có biên nhận viết tay trên giấy tập học sinh). Lãi suất thỏa thuận 03% / tháng. Mục đích vay tiền để làm ăn lo cho gia đình. Thời hạn trả là khi nào bà Út E cần tiền thì thông báo cho ông H1, bà P1 biết trước 01 tháng sẽ trả. Từ khi mượn cho đến nay bà P1 và ông H1 không trả vốn và cũng không trả tiền lãi.

Nay bà Út E yêu cầu bà Trần Thị P1 và ông Nguyễn Văn H1 phải liên đới trả lại số tiền đã vay là 230.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1,66% / tháng tính từ tháng 01/2020 – 3/2021 là 14 tháng với số tiền 53.452.000 đồng và yêu cầu tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- *Bị đơn bà Trần Thị P1 vắng mặt (có đơn xin vắng):* Theo Văn bản ý kiến ngày 24/02/2022, bà P1 đồng ý trả cho bà Kim P số tiền 13.000.000 đồng; đồng ý trả cho bà Kim H số tiền 270.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Út E số tiền 230.000.000 đồng. Về phần lãi suất bà P1 không đồng ý trả theo yêu cầu của bà Kim H, bà Út E.

Việc vay tiền bà P1 sử dụng mục đích cá nhân, không sử dụng chung trong gia đình, ông H1 không biết việc này và cũng không sử dụng số tiền trên. Vợ chồng sống ly thân từ 06 – 10 năm nay.

- *Ông H1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Tuyết M1 trình bày:* Không đồng ý yêu cầu của các nguyên đơn vì ông H1 không biết việc vay nợ của bà P1 và ông H1 cũng không sử dụng số tiền mà bà P1 vay của các nguyên đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 29/DS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã quyết định:

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Đặng Kim P yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị P1 liên đới trả số tiền vay 13.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kim P.

Buộc bà Trần Thị Phi t cho bà Đặng Kim P số tiền vay 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Đình chỉ phần yêu cầu của bà Phan Thị Kim H yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị P1 liên đới trả số tiền vay 270.000.000 đồng và lãi suất 94.122.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim H.

Buộc bà Trần Thị Phi t số tiền vay 270.000.000 đồng và tiền lãi 51.543.000 đồng (lãi suất tính từ ngày 11/5/2021 – 11/3/2023 là 23 tháng x 0,83%/ tháng).

Đình chỉ phần yêu cầu của bà Phạm Thị Út E yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị P1 trả lãi suất số tiền 53.452.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Út E.

Buộc bà Trần Thị P1, Nguyễn Văn H1 trả số tiền vay 230.000.000 đồng và tiền lãi 43.907.000 đồng (lãi suất tính từ ngày 11/5/2021 – 11/3/2023 là 23 tháng x 0,83%/ tháng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H1 kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông H1, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Út E yêu cầu ông H1 liên đới trả nợ.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án, sửa một phần bản án theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Út E về việc buộc nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn H1; Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Út E, buộc cá nhân bà Trần Thị P1 có trách nhiệm trả cho bà Út E số tiền nợ 230.000.000 đồng, tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 11/5/2021 đến ngày 11/3/2023 là 43.907.000 đồng, tổng cộng là 273.907.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị Tuyết M1 trình bày: Ông Nguyễn Văn H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý liên đới trách nhiệm với bà Trần Thị P1 trả nợ cho bà Phạm Thị Út E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Út E; chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1; chấp nhận Quyết định Kháng nghị số 04/QĐ-VKS-DS ngày 11/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Không buộc ông H1 liên đới trách nhiệm với bà P1 để trả nợ cho bà Út E.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phan Thị Kim H, bà Đặng Kim P, bà Phạm Thị Út E khởi kiện bà bà Trần Thị P1 về việc Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản, Tòa nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Ông H1 kháng cáo trong thời hạn nên chấp nhận. Ông Nguyễn Văn H1 ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Tuyết M1, thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm phù hợp quy định nên chấp nhận. Bà Phan Thị Kim H, bà Đặng Kim P, bà Phạm Thị Út E, bà Trần Thị P1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên xét xử theo quy định.

[2] Theo ông M đại diện cho bà Út E trình bày là ông H1 và bà P1 vay tiền của bà Út E số tiền 230.000.000đ, mục đích vay là để làm ăn lo cho gia đình, từ khi vay tiền đến nay bà P1 ông H1 không trả vốn lãi nên yêu cầu bà P1 ông H1 (vợ chồng) cùng liên đới trách nhiệm trả nợ. Chị M1 đại diện cho ông H1 cho rằng ông H1 không biết việc vay tiền của bà P1 và ông H1 không sử dụng tiền vay vì vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến năm 2021 được Tòa án quyết định cho vợ chồng ông H1 ly hôn.

Nhận thấy việc bà P1 vay tiền của bà Út E là có thật được thể hiện tại biên nhận 24/01/2020 do bà P1 ký tên nhận tiền vay. Ông M cho rằng bà P1 và ông H1 cùng vay tiền để làm ăn nhưng nội dung biên nhận vay không ghi mục đích vay, ông H1 không ký tên. Nay bà P1 thừa nhận có mượn tiền của bà Út E nhưng do bà P1 tự đứng ra mượn tiền để sử dụng mục đích cá nhân, ông H1 không biết việc vay tiền này. Công an xã T xác nhận tháng 5/2021 thì ông H1 có mặt ở địa phương nhưng bà P1 vắng mặt ở địa phương, đồng thời Công an phường 6 xác nhận ông H1 sinh sống thường xuyên ở thành phố C. Ông H1, bà P1 đều trình bày vợ chồng sống ly thân từ năm 2016. Qua đó cho thấy trước khi được Tòa án quyết định cho vợ chồng bà P1 ly hôn thì đã sống ly thân là phù hợp với thực tế, đã thể hiện vào thời điểm bà Út E cho bà P1 vay tiền thì ông H1 và bà P1 không còn làm kinh tế chung, không phụ thuộc lẫn nhau.

[3] Đối với nội dung file ghi âm giọng nói ông H1 do bà Út E cung cấp sử dụng để chứng minh ông H1 biết bà P1 vay tiền là chưa phù hợp, bởi vì: Một số nội dung thể hiện ông H1 chỉ nói là sẽ cùng vợ bán tài sản trả nợ. Đồng thời nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa hai bên cũng không rõ ràng, không có phần nội dung nào thể hiện ông H1 thừa nhận việc thỏa thuận vay có liên quan đến ông H1 và ông H1 cũng không biết số tiền giao nhận cụ thể giữa bà Út E và bà P1. Như vậy chưa đủ cơ sở xác định ông H1 thừa nhận khi bà P1 vay tiền thì ông H1 biết.

Mặt khác bà Út E không có mặt tại phiên tòa phúc thẩm và không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh là ông H1 chở bà P1 đến nhà bà Út E để vay tiền nhưng không có ký tên và mục đích vay là chăm lo cho gia đình của vợ chồng bà P1. Vì vậy kháng cáo của ông H1 không đồng ý liên đới trách nhiệm cùng với bà P1 trả nợ cho bà Út E là có cơ sở.

[4] Xét Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị không buộc ông H1 liên đới trả nợ cho bà Út E, với lý do như sau:

Thời điểm vay tiền của bà Út E không có ông H1 tham gia, biên nhận không có chữ ký của ông H1. Bà P1 khai việc vay nợ là do bà P1 tự đứng ra vay mượn sử dụng cá nhân, ông H1 không biết. Ông H1 và bà P1 trước khi ly hôn không sống chung, không làm ăn chung, không sinh hoạt chung, không phụ thuộc kinh tế lẫn nhau. Theo xác nhận của Công an P2, thành phố C thì ông H1 từ lâu đã sống ở thành phố C không còn sống ở xã T, huyện T. Bà Út E

khai vay tiền là phục vụ đời sống của vợ chồng bà P1 là chỉ một phía. Bà Út E cung cấp file ghi âm chứng minh ông H1 có liên đới vay tiền nhưng nội dung ghi âm không rõ ràng, không thể hiện sự thỏa thuận hai bên, số tiền bao nhiêu. Trong quan hệ hôn nhân vợ hoặc chồng không có nghĩa vụ đối với giao dịch phát sinh do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình (khoản 3 Điều 45 Luật HN-GĐ). Do đó đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị chấp nhận Quyết định Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười và chấp nhận kháng cáo của ông H1. Sửa một phần bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó chấp nhận Quyết định Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1. Sửa một phần bản án sơ thẩm. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí:

Bà Trần Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.695.000 đồng đối với phần nghĩa vụ trả tiền cho bà Út E.

Ông H1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận Quyết định Kháng nghị số 04/QĐ-VKS-DS ngày 11/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Đặng Kim P yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị P1 liên đới trả số tiền vay 13.000.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kim P.

Buộc bà Trần Thị Phi t cho bà Đặng Kim P số tiền vay 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

4. Đình chỉ phần yêu cầu của bà Phan Thị Kim H yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị P1 liên đới trả số tiền vay 270.000.000 đồng và lãi suất 94.122.000 đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim H.

Buộc bà Trần Thị Phi t số tiền vay 270.000.000 đồng và tiền lãi 51.543.000 đồng (lãi suất tính từ ngày 11/5/2021 – 11/3/2023 là 23 tháng x 0,83%/ tháng).

6. Đình chỉ phần yêu cầu của bà Phạm Thị Út E yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị P1 trả lãi số tiền 53.452.000 đồng.

7. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Út E.

Buộc bà Trần Thị Phi t số tiền vay 230.000.000 đồng và tiền lãi 43.907.000 đồng (lãi suất tính từ ngày 11/5/2021 – 11/3/2023 là 23 tháng x 0,83%/ tháng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn chịu lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

8. Về án phí:

Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả lại bà Đặng Kim P số tiền tạm ứng án án phí dân sự đã nộp 325.000 đồng, theo lai thu số 0001542 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại bà Phan Thị Kim H số tiền tạm ứng án án phí dân sự đã nộp 9.103.000 đồng theo lai thu số 0001541 ngày 03 tháng 11 năm 2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại bà Phạm Thị Út E số tiền tạm ứng án án phí dân sự đã nộp 7.086.000 đồng theo lai thu số 0001543 ngày 03 tháng 11 năm 2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

Bà Trần Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 18.856.000 đồng.

Bà Trần Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.695.000 đồng (phần nghĩa vụ trả tiền cho bà Út E)

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông H1 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002260 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vạng